

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở VÙNG NÚI THỪA THIÊN HUẾ: QUAN ĐIỂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Lê Thị Hoa Sen¹, Trương Văn Giang, Hoàng Gia Hùng, Nguyễn Tiên Dũng

Trường đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Nghiên cứu này nhằm phân tích quan điểm của các bên liên quan về Biến đổi khí hậu (BĐKH) và ứng phó trong sản xuất nông nghiệp ở miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế. Với sự tham gia của 462 nông hộ ở hai huyện Nam Đông và A Lưới; 29 cán bộ nông nghiệp tỉnh, huyện, xã; 12 đại lý vật tư nông nghiệp và 18 tổ chức cộng đồng, kết quả cho thấy các bên liên quan có các quan điểm rất khác nhau về nguyên nhân, tác động cũng như ứng phó với BĐKH ($\chi^2 < .00$). Hầu hết các bên cho rằng BĐKH có nhiều nguyên nhân, trong đó phá rừng và rác thải nhiều là hai yếu tố chính. Tuy nhiên, vẫn hơn 45% hộ dân tin rằng BĐKH do Trời. Về tác động của BĐKH, tỉ lệ lớn (81,4%) người dân được hỏi quan tâm nhất là hạn hán do ảnh hưởng ngày càng tăng và trên diện rộng. Trong khi đó các ban ngành nông nghiệp chủ yếu tập trung những tác động mang tính hiện hữu và mang tính sốc như sạt lở, lũ quét. Những hiện tượng này chỉ xảy ra cục bộ một số vùng và chỉ ảnh hưởng đến tỉ lệ nhỏ những hộ sống gần khe suối. Các chủ đại lý vật tư nông nghiệp thường nhạy bén, nắm rõ các quan tâm của người dân để cung ứng các dịch vụ liên quan như giống chống chịu, hệ thống tưới, phân bón. Tuy nhiên, tỉ lệ rất thấp (8,44%) các hộ ở trong vùng có thể tiếp cận được dịch vụ do nguồn lực tài chính.

Từ khoá: Biến đổi khí hậu, tác động, ứng phó, quan điểm, vùng núi, Thừa Thiên Huế

CLIMATE CHANGE IMPACTS AND RESPONSES IN AGRICULTURE PRODUCTION IN MOUNTAINOUS AREAS OF THUA THIEN HUE: STAKEHOLDERS' PERCEPTIONS

Le Thi Hoa Sen, Truong Van Giang, Hoang Gia Hung, Nguyen Tien Dung

Hue university of Agriculture and Forestry, Hue university

This study aims to analyze perceptions of stakeholders on climate change (CC) impacts and responses in agricultural production in mountainous areas of Thua Thien Hue province. With the participation of 462 farmers in Nam Dong and A Lueoi districts; 29 provincial, district and commune agricultural officials; 12 agricultural enterprises and 18 community organizations, the results show that stakeholders have very different perceptions regarding the causes, impacts and responses to CC ($\chi^2 < .00$). Most stakeholders believe that CC has many causes, of which deforestation and too much waste are two main factors. However, more than 45% of farmers believe that CC is due to God. Regarding CC impacts, a large percentage (81.4%) of interviewed farmers are most concerned about drought due to its increasing and widespread effects. In contrast, agricultural officials are mainly focused on foreseen and shock extreme events such as landslides and flash floods, which occur only in a few areas and only affect a small number of households living closed to the streams. Agriculture enterprises are often proactive, well aware of people's concerns to provide related services such as resistant seeds, irrigation facilities, and fertilizers, however very few (8.44%) farm households in the region have accessed these services because of limited financial capacity.

Keywords: Climate change, impacts, responses, perceptions, mountainous, Thua Thien Hue

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia có tỉ lệ lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn, nông nghiệp đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế của đất nước. Nông nghiệp phát triển

¹ Lê Thị Hoa Sen, Hue university of Agriculture and Forestry, Hue university, 102 Phunghung Hue
Email: sen.lethiho@huaf.edu.vn

manh là tiền đề vững chắc cho các ngành kinh tế khác phát triển (MARD, 2013). Trong thập niên qua, dưới tác động của BĐKH, tần suất và cường độ các thiên tai ngày càng gia tăng đã gây nhiều thiệt hại về người, tài sản, về kinh tế, văn hoá, xã hội (FAO., 2017). Theo kịch bản BĐKH (MONRE, 2016), nhiệt độ ở Thừa Thiên Huế sẽ tăng 0,5°C vào năm 2020, 1,4°C vào năm 2050 và 2,6°C vào năm 2100. Lượng mưa trung bình năm tăng tương ứng 0,5% vào năm 2020, 3,7% vào năm 2050 và 6,8% vào năm 2100 với xu thế giảm trong mùa khô và tăng trong mùa mưa. Trong 20 năm gần đây, dưới tác động của BĐKH, số trận lũ tăng 26% và đỉnh lũ tăng 11% (Đàm Thị Huyền Trang., 2014). Vùng đồi núi Thừa Thiên Huế là nơi đang đối mặt với nhiều rủi ro về sinh kế do tác động của BĐKH, đặc biệt là hoạt động sản xuất nông nghiệp (Truong Quang Hoang *et al.*, 2017). Nắng nóng, hạn, lụt, sạt lở đất và bão là những hiện tượng thời tiết cực đoan thể hiện sự gia tăng về cả cường độ, tần suất và tính thất thường. Những thay đổi này tác động rất rõ rệt đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương, làm giảm diện tích canh tác do thiếu nước, sạt lở; giảm quy mô đàn vật nuôi do dịch bệnh và bị cuốn trôi (Le Thi Hoa Sen. *et al.*, 2020)

Trước những thách thức này, chính phủ cũng như các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước đã thực hiện nhiều các chính sách, chương trình, dự án nhằm nâng cao năng lực ứng phó và giảm thiểu các tác động xấu của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân (Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó BĐKH, kế hoạch hành động ứng phó BĐKH của tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH). Tuy nhiên, năng lực ứng phó BĐKH của người dân ở các vùng núi vẫn còn thấp (Le Thi Hoa Sen. *et al.*, 2020) và một trong những nguyên nhân chính là nhận thức của người dân địa phương về tác động của BĐKH (Le Thi Hoa Sen and Le Thi Hong Phuong, 2011). Thực trạng này cũng rất phù hợp với kết quả nhiều nghiên cứu trước đây về vai trò mang tính quyết định của “nhận thức và quan điểm về tác động và ứng phó BĐKH của người dân và các bên liên quan” trong xây dựng năng lực ứng phó BĐKH cho nông hộ và cộng đồng, đặc biệt là cho hộ nông dân (Fosu-Mensah *et al.*, 2010; Son Tran Van. *et al.*, 2015). Để có cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực ứng phó của người dân ở vùng đồi núi tỉnh Thừa Thiên Huế, nghiên cứu này tiến hành phân tích quan điểm của người dân và các bên liên quan về tác động của BĐKH và chiến lược ứng phó với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp của hộ và cộng đồng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chọn các xã Hồng Hạ và A Roàng, huyện A Lưới và Thượng Long, Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế làm điểm nghiên cứu. Nghiên cứu được triển khai từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020. Các xã Hồng Hạ, A Roàng, Thượng Quảng và Thượng Long là các xã có đa dạng các hoạt động sinh kế, có các điều kiện kinh tế - xã hội như thành phần dân tộc, tỷ lệ hộ nghèo và hoạt động sinh kế mang tính đặc trưng, đại diện cho các xã trên địa bàn hai huyện. Ngoài ra, điều kiện tự nhiên của các xã cũng mang tính đại diện vùng đồi núi, có sự ảnh hưởng của các loại hiện tượng thời tiết cực đoan điển hình của vùng.

Phương pháp chọn hộ nghiên cứu

Dung lượng mẫu nghiên cứu là 462 hộ dân được chọn ngẫu nhiên từ danh sách hộ sản xuất nông nghiệp do xã cung cấp. Từ danh sách hộ sản xuất nông nghiệp của các xã, tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên không lặp lại, cứ 5 hộ chọn một hộ để điều tra cho đến khi đủ dung lượng mẫu. Mỗi xã phỏng vấn 120 hộ. Tổng số hộ phỏng vấn là 480 tuy nhiên 18 phiếu điều tra không hợp lệ nên dung lượng mẫu nghiên cứu còn 462 hộ.

Phương pháp thu thập thông tin

Các thông tin thứ cấp gồm dữ liệu về các hiện tượng thời tiết cực đoan; các báo cáo và bài báo khoa học liên quan đến BĐKH và tác động của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp của địa bàn nghiên cứu; các báo cáo tình hình kinh tế xã hội của các xã giai đoạn 2015 – 2019; dữ liệu về tình hình sản xuất nông nghiệp của từng xã và các nghiên cứu liên quan ở địa bàn hai huyện được thu thập từ các bài báo, tạp chí khoa học; các luận văn; các cơ quan chuyên môn và niên giám thống kê.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn 462 hộ nông dân; 29 cán bộ nông nghiệp xã, huyện, tỉnh; 12 chủ đại lý vật tư nông nghiệp (ĐLVTNN); và 11 cá nhân là đại diện các tổ chức cộng đồng trên địa bàn hai huyện nghiên cứu. Các tổ chức cộng đồng (TCCĐ) gồm câu lạc bộ khuyến nông, nhóm chăn nuôi, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, nhóm bảo vệ rừng. Nội dung phiếu điều tra tập trung vào mức độ nhận thức về BĐKH, mối quan tâm đến các hiện tượng thời tiết cực đoan và tác động của BĐKH đối với sản xuất nông nghiệp ở địa phương; quan điểm về chiến lược ứng phó đã và đang thực hiện và kết quả.

Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

Thống kê mô tả là phương pháp chính được sử dụng để phân tích dữ liệu thu thập được từ phiếu điều tra. Các phép toán gồm tính giá trị trung bình, tần suất, tỉ lệ phần trăm được sử dụng để tính cho tất cả các biến liên quan đến nhận thức và quan điểm về BĐKH, tác động và chiến lược ứng phó. Kiểm định Chi bình phương (χ^2) là phương pháp thống kê sử dụng để đánh giá sự phụ thuộc giữa các biến có biến định tính. Phương pháp này được lựa chọn cho nghiên cứu này để đánh giá sự phụ thuộc giữa các chỉ số nghiên cứu gồm các quan điểm về nguyên nhân của BĐKH, các biểu hiện của BĐKH và các mối quan tâm trong ứng phó BĐKH với các nhóm đối tượng khác nhau, gồm hộ nông dân, cán bộ (xã, huyện, tỉnh), chủ ĐLVTNN và đại diện các TCCĐ.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Một số đặc điểm kinh tế - xã hội chính của địa bàn nghiên cứu

Vùng đồi núi tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng diện tích khoảng 1256 km² thuộc địa phận của 5 huyện Phong Điền, Hương Trà, A Lưới, Nam Đông và Phú Lộc. Hai huyện Nam Đông và A Lưới là hai huyện duy nhất của tỉnh có toàn bộ diện tích và dân số thuộc vùng đồi núi của tỉnh. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số cao, với trên 46% ở huyện Nam Đông và hơn 76% ở huyện A Lưới (Bảng 1). Các dân tộc thiểu số gồm Tà ôi, Pakô, Bru Vân Kiều, Cơ Tu và Pa Hy. Các dân tộc thiểu số đã chung sống cùng lãnh thổ từ nhiều thập kỷ, cùng thực hiện hầu hết các hoạt động sinh kế và cưới hỏi lẫn nhau giữa các dân tộc nên ranh giới về văn hoá, phong tục dần mất đi.

Bảng 1: Một số đặc điểm kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu năm 2018

Chỉ số	Huyện Nam Đông	Huyện A Lưới
Dân số (người)	28.267	49.611
Số hộ (hộ)	6.809	13.448
Số hộ dân tộc kinh (hộ)	3.887	3.103
Số hộ dân tộc thiểu số (hộ)	2.922	10,345
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	10,16	25,94

Chỉ số	Huyện Nam Đông	Huyện A Lưới
Cận nghèo (%)	7,10	13,14
Cơ cấu thu nhập (%)		
- Nông lâm - ngư nghiệp	45,5	44,8
- Công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	28,8	33,4
- Dịch vụ	25,7	21,8
Diện tích đất tự nhiên (ha)	64.777,90	122.521,21
Đất sản xuất nông nghiệp (ha)	4.897,68	6.194,84
Đất lâm nghiệp (ha)	55.305,67	109.591,9
Đất phi nông nghiệp (ha)	2.181,53	5.335,22

Nguồn: UBND huyện Nam Đông và UBND huyện A Lưới, năm 2019

Bảng 1 cũng cho thấy tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở hai huyện còn rất cao. Tỉ lệ hộ nghèo bình quân toàn huyện năm 2018 của Nam Đông là 10,16 và của A Lưới là 25,94. Tuy nhiên, một số xã ở hai huyện tỉ lệ hộ nghèo rất cao: trên 24% ở xã Thượng Long, huyện Nam Đông; và trên 35% ở A Roàng, A Đớt huyện A Lưới. Bên cạnh đó, tỉ lệ hộ cận nghèo của huyện cũng lên đến hơn 7% ở Nam Đông và hơn 13% ở A Lưới. Tỉ lệ hộ nghèo cao, có thể do đa phần hộ là người dân tộc thiểu số và đời sống phụ thuộc lớn vào tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng nhưng nguồn tài nguyên này đã cạn kiệt đồng thời địa phương đang triển khai mạnh mẽ các hoạt động thắt chặt quản lý khai thác rừng liên quan đến chính sách “đóng cửa rừng” của chính phủ, do đó nguồn sinh kế của hầu hết người dân hai huyện bị ảnh hưởng đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người ở hai huyện tăng dần qua các năm tuy nhiên vẫn ở mức rất thấp, đặc biệt ở khu vực nông thôn (chỉ 19,86 triệu đồng/người/năm ở huyện A Lưới) (Nguyễn Thế Thìn và cộng sự, 2020)

3.2 Nhận thức của người dân và các bên liên quan về BĐKH

Mức độ nhận thức về BĐKH đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực chống chịu và hạn chế thiệt hại do tác động của BĐKH gây ra. Mức độ nhận thức càng cao người dân càng quan tâm, tìm kiếm giải pháp ứng phó hiệu quả và càng sẵn sàng thay đổi để ứng phó (Abuelgasim and Daiban, 2017). Số liệu ở bảng 2 cho thấy hầu hết người dân và các bên liên quan đã nghe về BĐKH và có chung ý kiến rằng BĐKH xảy ra do nhiều nguyên nhân trong đó phá rừng và xả quá nhiều rác thải là hai nguyên nhân chủ chốt. Tuy nhiên, một tỉ lệ đáng kể (trên 50%) người dân được hỏi đã nghe về BĐKH nhưng không hiểu hoặc không nắm rõ nguyên nhân và những tác động tiềm tàng của nó. Có đến hơn 45% người dân vẫn cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến những thay đổi về thời tiết và thiên tai ngày càng khắc nghiệt là do tự nhiên, do Trời.

Nhận thức được các tác động tiềm tàng của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế là cơ sở cũng như động lực để tìm kiếm và thực thi các giải pháp ứng phó hiệu quả. Bảng 2 cho thấy nhận diện về yếu tố ảnh hưởng của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế ở vùng núi của tỉnh có sự khác biệt giữa các bên liên quan ($\chi^2 < ,00$). Trên 71% người dân ở miền núi cho rằng nắng nóng và hạn là hiện tượng tác động nhiều nhất đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế của họ. Tuy nhiên, trên 55% số cán bộ nông nghiệp lại cho rằng sạt lở, lũ quét là tác động chính. Kết quả phỏng vấn cho thấy, có đến

10/12 cán bộ cấp tỉnh, huyện cho rằng sạt lở và lũ quét là tác động chính đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế của người dân vùng núi do vậy quan tâm chủ yếu đến các hoạt động trồng rừng, xây dựng hoặc cải tạo hệ thống đê kè, di dân khỏi vùng dễ bị sạt lở.

Bảng 2: Nhận thức của các bên về BĐKH (tỉ lệ % cho ý kiến)

Chỉ tiêu	Nông hộ (n=462)	Cán bộ nông nghiệp (n=29)	ĐLVTNN (n=12)	TCCĐ (n=18)	χ^2	P
Hiện tượng cực đoan tác động lớn nhất sản xuất nông nghiệp vùng núi TTH						
Nắng nóng và hạn hán	81,4	37,9	66,7	72,2	22,8	0,00
Thời tiết khó dự đoán, không theo quy luật cũ	27,9	3,4	8,3	16,7	11,4	0,01
Mưa lớn	2,6	0	66,7	0	132,1	0,00
Lũ quét, sạt lở	19,5	55,2	16,7	11,1	21,8	0,00
Lốc xoáy, bão	1,5	0	0	0	0,9	0,00

Nguồn: Khảo sát thực tế, 2020

Đối với các TCCĐ, tất cả thành viên là người địa phương nên có cùng các quan điểm về các tác động của BĐKH với hầu hết người dân. Các chủ ĐLVTNN thường rất năng động trong việc đánh giá các tác động cụ thể cho từng vùng miền cũng như nắm bắt mọi quan tâm của người dân nhằm cung cấp các dịch vụ phù hợp cho sản xuất nông nghiệp. Sự khác biệt trong nhận diện về rủi ro trong sản xuất nông nghiệp do BĐKH gây ra có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện các giải pháp ứng phó ở địa phương.

3.3 Mối quan tâm các bên liên quan về tác động của BĐKH đối với sản xuất nông nghiệp ở địa bàn nghiên cứu

Kết quả phân tích ở bảng 3 cho thấy có sự khác biệt về mối quan tâm giữa các bên liên quan đối với tác động của BĐKH trong sản xuất nông nghiệp ($\chi^2 < ,00$). Phần lớn người dân (gần 80%) và đại diện các TCCĐ quan tâm, lo lắng, thường xuyên tìm kiếm thông tin và chia sẻ thông tin về thời tiết, khí hậu và hứng thú trong tiếp cận thông tin về ứng phó BĐKH. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn ít nhất 20% người dân vẫn không quan tâm hoặc chưa thấy cần thiết phải nâng cao nhận thức và có các kế hoạch ứng phó. Hầu hết trong số họ là những nông dân vẫn tin BĐKH là do Trời. Các chủ ĐLVTNN có quan tâm và tiếp cận thông tin về BĐKH. Tuy nhiên, quan tâm và lo lắng của các chủ ĐLVTNN ở trên địa bàn hai huyện là tác động của BĐKH sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận cũng như khả năng chi trả của nông hộ đối với các dịch vụ của đại lý. Cụ thể, năm 2015, 2016 bão đã làm ảnh hưởng khá lớn đến diện tích keo và cao su của nông hộ do đó hộ không có khả năng để chi trả phân bón đã mua “chịu” tại các chủ ĐLVTNN. Vụ mùa 2018-2019 nắng hạn gay gắt đã làm nhiều diện tích lúa ở A Lưới không có để thu hoạch nên người dân không có khả năng để mua giống lúa trồng lại.

Bảng 3: Mối quan tâm các bên liên quan về ứng phó BĐKH trong sản xuất nông nghiệp (% cho ý kiến)

Chỉ tiêu	Nông hộ (n=462)	Cán bộ nông nghiệp (n=29)	ĐLVTNN (n=12)	TCCĐ (n=18)	χ^2	P
Thường xuyên tìm hiểu thông tin về BĐKH, thảo luận, chia sẻ với các cá nhân khác	79,4	44,8	0,75	100	24,4	0,00
Lo lắng về tác động của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp	79,4	37,9	66,7	100	37,1	0,00
Cần thiết có các dự đoán chính xác hơn về BĐKH và các tác động	80,5	100	100	100	14,1	0,00
Hứng thú tiếp cận các kiến thức, công nghệ ứng phó BĐKH	45,9	100	100	100	61,4	0,00
Cần thiết phải nâng cao nhận thức về tác động BĐKH	80,5	100	100	100	114,9	0,00
Cần thiết phải có kế hoạch ứng phó BĐKH trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp	28,6	100	100	100	14,1	0,00

Nguồn: Khảo sát thực tế, 2020

Kết quả bảng 3 cũng cho thấy tất cả cán bộ nông nghiệp được phỏng vấn có quan tâm, tìm hiểu về BĐKH và cho rằng rất cần thiết phải nâng cao nhận thức về BĐKH cho người dân và các bên liên quan, cần phải có kế hoạch ứng phó với BĐKH cho vùng núi của tỉnh. Tuy nhiên, các ý kiến cũng cho thấy BĐKH không phải là mối quan tâm hàng đầu đối với các ban ngành nông nghiệp bởi BĐKH chỉ là yếu tố lồng ghép. Kế hoạch phát triển nông nghiệp của các ban ngành có nhiều chỉ tiêu khác ngoài BĐKH như năng suất, chất lượng và thị trường tiêu thụ và theo đó kinh phí được ưu tiên phân bổ cho các hạng mục tương ứng.

3.4 Tiếp cận ứng phó của các bên liên quan với tác động của BĐKH trong sản xuất nông nghiệp

Các tiếp cận ứng phó BĐKH và sự hài lòng về các tiếp cận ứng phó đã và đang thực hiện phản ánh phần nào sự quan tâm và nỗ lực của các bên liên quan trong ứng phó BĐKH trong sản xuất nông nghiệp. Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt đáng kể về cách tiếp cận ứng phó, mức độ ứng phó cũng như mức độ hài lòng của các bên liên quan về các tiếp cận ứng phó đã và đang thực hiện. Đa số nông hộ học hỏi từ hộ láng giềng, người thân, tổ chức cộng đồng hoặc đúc rút từ kinh nghiệm để tự ứng phó. Trong khi đó tỉ lệ rất thấp nông hộ tham vấn các chủ ĐLVTNN (8,4%) hoặc tham vấn cán bộ nông nghiệp các cấp (11,5%). Hơn thế nữa, mức độ hài lòng với các tiếp cận ứng phó với sự tham vấn của hai kênh này không cao do khó tiếp cận và không phù hợp với đa số hộ dân. Hầu hết người dân cho rằng, tuy thông tin từ cán bộ có tính khoa học hơn nhưng không dễ dàng có cơ hội để trao đổi. Các TCCĐ, láng giềng, bạn bè với các giải pháp ứng phó chủ yếu đúc rút từ kinh nghiệm nhưng được người dân đánh giá cao do linh

động, dễ dàng trao đổi, có thể trao đổi bất cứ lúc nào. Điều này đặc biệt quan trọng đối với người dân tộc thiểu số ở vùng núi do ngại tiếp xúc và năng lực tiếp thu còn hạn chế.

Bảng 4: Chiến lược ứng phó tác động của BĐKH trong nông nghiệp của các bên liên quan

Các bên liên quan	Chiến lược ứng phó trong sản xuất nông nghiệp	Tỉ lệ đồng ý (%)	Sự hài lòng về kết quả (sử dụng thang đo 1-5)
Nông hộ (n=462)	Tự thay đổi để ứng phó	19,2	3,4
	Tham vấn cán bộ các cấp	11,5	3,0
	Tham vấn các hộ KDVTNN	8,4	3,4
	Tham vấn các tổ chức cộng đồng	27,5	4,2
	Tham vấn, học hỏi các nguồn khác	58,9	3,9
Cán bộ nông nghiệp (n=29)	Nghiên cứu, tìm kiếm thông tin BĐKH để truyền thông cho nông dân	100	3,5
	Truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức cho nông dân	13,8	2,7
	Nghiên cứu, thử nghiệm giải pháp ứng phó	17,2	4,0
	Tư vấn, lồng ghép BĐKH vào các hoạt động thường niên	82,8	3,7
	Tham vấn chính sách ứng phó BĐKH	20,7	2,6
ĐLVTNN (n=12)	Tìm hiểu thông tin BĐKH của vùng	100	4,0
	Tìm kiếm giải pháp ứng phó và dịch vụ liên quan	100	4,3
	Hỗ trợ thử nghiệm giải pháp ứng phó	0	-
	Tư vấn, lồng ghép BĐKH vào hoạt động kinh doanh	100	4,3
TCCĐ (=18)	Tìm kiếm và chia sẻ thông tin về BĐKH cho thành viên	90,9	4,5
	Chia sẻ, trao đổi các kinh nghiệm, mô hình ứng phó	100	3,2
	Hỗ trợ thành viên nhóm phục hồi tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan	100	4,8

Nguồn: Khảo sát thực tế, 2020

Bảng 4 cũng cho thấy rằng tất cả các bên liên quan có các cách tiếp cận khác nhau trong ứng phó BĐKH. Tất cả các bên đều thường xuyên tìm kiếm thông tin về thời tiết, khí hậu, các tác động của BĐKH để chia sẻ hoặc lồng ghép vào các hoạt động của đơn vị. Các tổ chức cộng đồng và ĐLVTNN khá hài lòng với những sự chia sẻ và hỗ trợ người dân trong ứng phó BĐKH mà họ đã và đang thực hiện vì đã đóng góp một phần trong xây dựng năng lực ứng phó của hộ thông qua các hoạt động tư vấn và cung ứng vật tư. Những đơn vị đang được người dân địa phương quan tâm, tìm đến khi cần được tư vấn. Các cán bộ nông nghiệp các cấp chưa hài lòng với các hoạt động lồng ghép, tư vấn, truyền thông cũng như vận động chính sách ứng phó BĐKH trong nông nghiệp mà họ đã và đang thực hiện. Theo các cán bộ tham gia cung cấp thông tin, hầu hết các hoạt

động ứng phó đều được lồng ghép nhưng không phải là vấn đề ưu tiên xem xét. Ngoài ra, các hoạt động truyền thông, tập huấn hoặc vận động chính sách chỉ rất ít các cán bộ tham gia và thường tham gia theo các chương trình, dự án về BĐKH.

4. Kết luận và kiến nghị

BĐKH đang là một thách thức lớn đối với sản xuất nông nghiệp ở vùng núi tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, mức độ nhận thức, sự nhận diện, mối quan tâm và chiến lược thích ứng của các bên liên quan có sự khác biệt đáng kể ($\chi^2 < .00$). Hầu hết các bên liên quan có sự tương đồng về nhận thức về nguyên nhân của BĐKH, tuy nhiên, vẫn còn đến 45% người dân cho rằng BĐKH là do Trời. Điều này ảnh hưởng phần nào đến mối quan tâm tìm kiếm thông tin cũng như sự sẵn sàng thay đổi để ứng phó của nông dân. Đặc biệt là sự khác biệt giữa các cơ quan ban ngành nông nghiệp và người nông dân. Các cơ quan ban ngành nông nghiệp quan tâm và ưu tiên ứng phó lũ quét và sạt lở, trong khi người dân quan tâm và ưu tiên ứng phó hạn. Ít tìm hiểu thông tin hoặc các chương trình truyền thông thông tin thiếu tính hệ thống có thể là nguyên nhân chính của sự khác biệt này. Những khác biệt này ảnh hưởng đến sự phối hợp trong triển khai các chương trình hành động ứng phó BĐKH và hiệu quả ứng phó trong sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương. Trên cơ sở đó, để tăng cường hiệu quả ứng phó, giảm thiểu rủi ro do tác động của BĐKH trong sản xuất nông nghiệp các bên liên quan cần phối hợp để có những nhận thức chuẩn về BĐKH; có các đánh giá toàn diện về tác động BĐKH; liên kết, phối hợp xây dựng năng lực, hỗ trợ thông tin, kỹ thuật; cung ứng dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng, địa phương.

***Chú thích:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.05-2018.300.*

Tài liệu tham khảo

- Abuelgasim, A., Daiban, S., 2017. Levels of Climate change awareness in the United Arab Emirates. Horizons in Humanities and social science: An international refereed journal 2, 42-53.
- Đàm Thị Huyền Trang., 2014. Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp tại khu vực ven đầm phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học Đại học Huế 94.
- FAO., 2017. Climate smart agriculture sourcebook: Gender-differentiated impacts of climate change.
- Fosu-Mensah, B.Y., Vlek, P.L.G., Manschadi, A.M., 2010. Farmers' Perception and Adaptation to Climate Change; A Case Study of Sekyedumase District in Ghana. Center for Development Research (ZEF), University of Bonn, Walter-Flex-Str. 3, 53113, Bonn, Germany.
- Le Thi Hoa Sen, Le Thi Hong Phuong, 2011. Climate change and adaptation of farmers in Trieu Van commune, Quang Tri province, Vietnam. In: Bauer, S., Budjurova, E. (Eds.), Issues and Challenges in Rural Development: Compendium of Approaches for Socio-Economic and Ecological Development in Developing countries. Margraf Publishers, Weikersheim, Germany, p. 239.
- Le Thi Hoa Sen., Jennifer Bond., Alexandra Winkels., Nguyen Hoang Khanh Linh., Nguyễn Tiến Dũng., 2020. Climate change resilience and adaptation of ethnic minority communities in the upland area in Thừa Thiên-Huế province, Vietnam. NJAS – Wageningen Journal of Life Science 92.

- MARD, 2013. The Plan of Restructuring Agriculture and Rural Development Sector Towards Greater Added Value and Sustainable Development. Ministry of Agriculture and Rural Development, Vietnam.
- MONRE., 2016. Climate Change and Sea Level Rises Senarios for Vietnam: Summary for policy makers. Ministry of Natural Resource and Environment, p. 188.
- Nguyễn Thế Thìn, Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Trần Ngọc Tuấn, Đào Thị Cẩm Nhung, 2020. UBND huyện A Lưới (2020). Xây dựng nông thôn mới về kinh tế ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Công Thương số tháng 9/2020.
- Son Tran Van., William Boyd., Peter Slavich., Trinh Mai Van., 2015. Perception of Climate Change and Farmers' Adaptation: A Case Study of Poor and Non-Poor Farmers in Northern Central Coast of Vietnam. Journal of Basic & Applied Sciences 11, 323-342.
- Truong Quang Hoang, Le Duc Ngoan, Le Thi Hoa Sen, Hoang Thanh Hung, Vo Chi Tien, Nguyen Thanh Hien, Nguyen Truong Thi, Nguyen Van Loi, Tran Thi Thanh Toan, Nguyen Thi Hoa, C. Catacutan, D.C., Do Trong Hoan, Rachmat, M., 2017. Livelihood need assessment in Quang Nam and Thua Thien Hue provinces. In: Vietnam, E.-G.A.p.i.c. (Ed.), Ecodit-Green Annamites project in central Vietnam, USAID.